

**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ KHOÁNG SẢN HÀ GIANG**

*(Thành lập tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam)*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011  
đến ngày 30 tháng 6 năm 2011**



## MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 18

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

#### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Ông Ma Ngọc Tiến	Chủ tịch
Ông Trịnh Ngọc Hiếu	Thành viên
Ông Phạm Thành Đô	Thành viên
Ông Đào Xuân Tuất	Thành viên
Ông Lê Thanh Tuấn	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Thắng	Thành viên
Ông Tô Huy Vũ	Thành viên (bổ nhiệm ngày 01 tháng 4 năm 2011)

#### **BAN GIÁM ĐỐC**

Ông Trịnh Ngọc Hiếu	Giám đốc
Ông Đào Xuân Tuất	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Biên	Phó Giám đốc

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



**Trịnh Ngọc Hiếu**  
Giám đốc

Hà Giang, ngày 03 tháng 8 năm 2011

12500  
CÔNG TY  
TRÁCH NHIỆM HỮU  
HẠN  
CÔNG TY  
T. NA  
TP.



Số: 80 /Deloitte-AUDHN-RE

## BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Các Cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bằng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011 và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính") của Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang (gọi tắt là "Công ty"), từ trang 03 đến trang 18. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét Báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề đáng lưu ý nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011 phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.



Phạm Hoài Nam  
Phó Tổng Giám đốc  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0042/KTV

Thay mặt và đại diện cho  
**CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**

Ngày 03 tháng 8 năm 2011  
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Hoàng Văn Kiên  
Kiểm toán viên  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1130/KTV

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011

MẪU SỐ B 01-DN  
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2011	31/12/2010
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100 = 110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>187.950.691.438</b>	<b>132.779.527.477</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>136.558.112.413</b>	<b>59.883.384.366</b>
1. Tiền	111		6.932.856.911	3.307.813.032
2. Các khoản tương đương tiền	112		129.625.255.502	56.575.571.334
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>6</b>	<b>12.000.000.000</b>	<b>44.400.000.000</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		12.000.000.000	44.400.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>31.148.741.321</b>	<b>22.266.509.824</b>
1. Phải thu khách hàng	131		19.064.124.494	11.653.213.786
2. Trả trước cho người bán	132		3.728.248.334	2.523.827.462
3. Các khoản phải thu khác	135	7	8.705.354.626	8.488.454.709
4. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(348.986.133)	(398.986.133)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>8</b>	<b>7.666.586.450</b>	<b>6.003.557.494</b>
1. Hàng tồn kho	141		7.666.586.450	6.003.557.494
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>577.251.254</b>	<b>226.075.793</b>
1. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	416.383
2. Tài sản ngắn hạn khác	158		577.251.254	225.659.410
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200 = 220+250+260)	<b>200</b>		<b>11.400.948.781</b>	<b>11.462.442.161</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>9.064.358.903</b>	<b>9.107.149.604</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	6.865.657.440	6.891.521.318
- Nguyên giá	222		20.710.609.473	20.024.927.448
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(13.844.952.033)	(13.133.406.130)
2. Tài sản cố định vô hình	227	10	1.839.514.222	1.848.578.321
- Nguyên giá	228		4.555.031.356	4.555.031.356
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.715.517.134)	(2.706.453.035)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		359.187.241	367.049.965
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>532.823.200</b>	<b>532.823.200</b>
1. Đầu tư dài hạn khác	258		532.823.200	532.823.200
<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1.803.766.678</b>	<b>1.822.469.357</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		266.445.391	303.738.131
2. Tài sản dài hạn khác	268		1.537.321.287	1.518.731.226
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)</b>	<b>270</b>		<b>199.351.640.219</b>	<b>144.241.969.638</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**  
 Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011

**MẪU SỐ B 01-DN**  
 Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2011	31/12/2010
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)</b>	<b>300</b>		<b>54.008.914.381</b>	<b>30.936.984.840</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>53.703.845.971</b>	<b>30.658.228.344</b>
1. Phải trả người bán	312		5.536.530.202	5.757.527.460
2. Người mua trả tiền trước	313		3.200.000	23.200.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	11	8.719.247.545	5.219.625.172
4. Phải trả người lao động	315		1.121.589.000	1.112.922.200
5. Chi phí phải trả	316		1.109.620.888	197.871.500
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	12	30.248.073.299	12.168.846.256
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		6.965.585.037	6.178.235.756
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>305.068.410</b>	<b>278.756.496</b>
1. Phải trả dài hạn khác	333		9.000.000	9.000.000
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		296.068.410	269.756.496
<b>B. NGUỒN VỐN (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>145.342.725.838</b>	<b>113.304.984.798</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>13</b>	<b>145.342.725.838</b>	<b>113.304.984.798</b>
1. Vốn điều lệ	411		60.000.000.000	60.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	417		18.785.886.283	18.785.886.283
3. Quỹ dự phòng tài chính	418		4.706.929.283	4.706.929.283
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		1.103.464.642	3.981.420.238
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		60.746.445.630	25.830.748.994
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)</b>	<b>440</b>		<b>199.351.640.219</b>	<b>144.241.969.638</b>



Trịnh Ngọc Hiếu  
 Giám đốc

Ngày 03 tháng 8 năm 2011

Đỗ Khắc Hùng  
 Kế toán trưởng

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
 Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011

**MẪU SỐ B 02-DN**  
 Đơn vị: VND

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011</b>	<b>Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010</b>
1. Doanh thu bán hàng	01	14	98.392.075.382	40.878.042.004
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. <b>Doanh thu thuần về bán hàng (10 = 01-02)</b>	<b>10</b>		<b>98.392.075.382</b>	<b>40.878.042.004</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	15	20.485.413.060	16.440.849.503
5. <b>Lợi nhuận gộp về bán hàng (20 = 10-11)</b>	<b>20</b>		<b>77.906.662.322</b>	<b>24.437.192.501</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	16	10.156.085.963	2.862.373.243
7. Chi phí tài chính	22		-	11.052.425
8. Chi phí bán hàng	24		312.835.434	208.210.238
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		3.297.612.476	2.147.571.216
10. <b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}</b>	<b>30</b>		<b>84.452.300.375</b>	<b>24.932.731.865</b>
11. Thu nhập khác	31		247.964.861	73.134.325
12. Chi phí khác	32		372.877.599	145.844.497
13. <b>(Lỗ) khác (40 = 31-32)</b>	<b>40</b>		<b>(124.912.738)</b>	<b>(72.710.172)</b>
14. <b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)</b>	<b>50</b>		<b>84.327.387.637</b>	<b>24.860.021.693</b>
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	17	5.733.976.016	1.798.723.214
16. <b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51)</b>	<b>60</b>		<b>78.593.411.621</b>	<b>23.061.298.479</b>
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	18	13.099	3.844



**Trịnh Ngọc Hiếu**  
 Giám đốc

Ngày 03 tháng 8 năm 2011

**Đỗ Khắc Hùng**  
 Kế toán trưởng